



VPBank Care
Bảng quyền lợi
Người thân cấp 5
Insurance benefit
For dependent level 5
01/04/2024 – 31/12/2024

MỤC LỤC/ INDEX

Nội dung	Trang
Tai nạn	02
Sinh mạng	04
Đồng bảo hiểm	05
Điều trị Nội trú	08
Điều trị Ngoại trú, COVID-19, Điều trị răng	12
Các điểm loại trừ chính	16
Thời gian chờ	24
Quy trình bồi thường	26
Hồ sơ bồi thường	28
Địa chỉ nộp hồ sơ	33
Đầu mối liên hệ hỗ trợ	34

Lưu ý: Tài liệu tham khảo, không có giá trị thay thế hợp đồng bảo hiểm

Content	Page
Personal Accident	02
Term Life	04
Copay	05
In-patient treatment	08
Out-patient treatment, COVID-19, Dental Care	12
Main Exclusions	16
Waiting period	24
Claim procedures	26
Claim document	28
Claim submission	33
Contact for consultation	34

Note: This document is for reference only & does not overwrite the insurance contract.

BẢO HIỂM TAI NẠN/ PERSONAL ACCIDENT

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (VND)
Phạm vi địa lý	Việt Nam
1. Tử vong/ thương tật vĩnh viễn do tai nạn	147,000,000
Tử vong/ thương tật toàn bộ vĩnh viễn	100% số tiền bảo hiểm
Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Tỉ lệ % số tiền bảo hiểm (theo bảng tỉ lệ thương tật)
2. Chi phí y tế trong suốt thời gian điều trị y tế do tai nạn theo chỉ định của bác sĩ điều trị, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí điều trị nội trú, ngoại trú, phẫu thuật - Chi phí điều trị tại phòng cấp cứu - Chi phí vận chuyển cấp cứu bằng xe cứu thương của cơ sở y tế hoặc 115 (loại trừ chi phí vận chuyển bằng đường hàng không và dịch vụ S.O.S) - Chi phí taxi chiều đi để vận chuyển Người được Bảo hiểm tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị trong trường hợp khẩn cấp. Người được bảo hiểm phải cung cấp được hóa đơn hợp lệ 	63,000,000/ năm

BENEFITS	SUM INSURED (VND)
Geographical limit	Vietnam
1. Death/ Permanent disablement due to Accident	147,000,000
Death/ Total permanent disablement	100% sum insured
Partial permanent disablement	A percentage of Sum Insured as per Permanent Disablement Payment Scale Table
2. Medical expenses during the period of medical treatment due to accidents as prescribed by treating physicians, including: <ul style="list-style-type: none"> - Inpatient, outpatient and surgical treatment costs - The cost of treatment in the emergency room - Emergency transportation by medical facility ambulance or 115 (exclude air transportation cost and S.O.S service) - Taxi costs to transport the Insured Person in critical condition to the nearest medical facility for emergency treatment. The Insured Person must provide a valid invoice 	63,000,000/ year

BẢO HIỂM TAI NẠN/ PERSONAL ACCIDENT

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (VND)
Phạm vi địa lý	Việt Nam
Điều khoản hỗ trợ giáo dục: Trong trường hợp NĐBH (vợ/chồng của CBNV) tử vong do tai nạn, một khoản trợ cấp giáo dục sẽ được áp dụng chung cho các con của nhân viên đó. Trường hợp cả vợ/chồng và CBNV cùng bị tử vong do tai nạn, CTBH sẽ chi trả quyền lợi này của 1 NĐBH (hoặc dưới chương trình CBNV hoặc dưới chương trình người thân)	3,150,000/ vụ
Lưu ý: Phẫu thuật tái tạo gân và dây chằng: bảo hiểm cho năm đầu tiên và các năm tái tục tiếp theo	

BENEFITS	SUM INSURED (VND)
Geographical limit	Vietnam
Education support clause: In case the insured person (the employee's spouse) dies due to an accident, an educational allowance will be applied to the employee's children. In case both the spouse and staff are fatal due to an accident, the insurance company will pay for this benefit of an insured person (either under an employee program or under a relative program).	3,150,000/ case
Note: Reconstruction of tendons and ligaments: coverage for the first and subsequent years	

BẢO HIỂM SINH MẠNG/ LIFE INSURANCE

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (VND)
Phạm vi địa lý	Việt Nam
Bồi thường cho trường hợp Tử vong và Tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do mọi nguyên nhân loại trừ nguyên nhân tai nạn và những điểm loại trừ quy định trong quy tắc bảo hiểm sức khỏe	
Số tiền bảo hiểm/người	60,000,000

BENEFITS	SUM INSURED (VND)
Geographical limit	Vietnam
Compensation for Death and Total permanent Disability for all causes excluding accidental causes and exclusions specified in the health insurance rules.	
Sum Insured/person	60,000,000

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (VND)
Phạm vi địa lý	Việt Nam
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đồng bảo hiểm/đồng chi trả: là số tiền (được tính theo tỷ lệ phần trăm) mà người được bảo hiểm tự chịu trên chi phí phát sinh thuộc trách nhiệm bồi thường của hợp đồng bảo hiểm ▪ Nếu khách hàng đi khám ở các cơ sở y tế bị đồng bảo hiểm nhưng mua thuốc ở các hiệu thuốc bên ngoài hoặc hiệu thuốc của các cơ sở y tế không thuộc danh sách đồng bảo hiểm thì chi phí mua thuốc đó sẽ không bị đồng bảo hiểm ▪ Nếu khách hàng đi khám ở các cơ sở y tế không bị đồng bảo hiểm nhưng lại mua thuốc tại các cơ sở thuộc danh sách đồng bảo hiểm thì chi phí mua thuốc đó sẽ bị áp dụng đồng bảo hiểm theo quy định 	
<p>Đồng bảo hiểm: NĐBH chi trả 20% tại các bệnh viện/phòng khám sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bệnh viện Việt Pháp - Số 01 Phương Mai, Q. Đống Đa, Hà Nội 2. Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec - 458 Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội và các chi nhánh Bệnh viện/ phòng khám của Vinmec trên toàn quốc 3. Bệnh viện Đa khoa Hồng Ngọc-55 Yên Ninh, Q. Ba Đình, HN và các phòng khám của Hồng Ngọc trên toàn quốc 4. Khoa điều trị tự nguyện/Khoa quốc tế- Bệnh viện Nhi Trung ương: 18/879 La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội 	

BENEFITS	SUM INSURED (VND)
Geographical limit	Viet Nam
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Co-insurance / co-pay: means the amount (calculated by a percentage) that the insured bear on the insured's costs incurred under the liability of the insurance contract. ▪ If clients go to medical providers in co-pay list but purchase drugs at others, the copay rate will not be applied to drugs. ▪ If clients go to medical providers outside co-pay list, but purchase drugs in the copay list, the copay rate will be applied to drugs 	
<p>Co-pay: The insured pay 20% at the following hospitals / clinics:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Viet Phap Hospital - No. 01 Phuong Mai, Dong Da, Hanoi 2. Vinmec International General Hospital - 458 Minh Khai, Hai Ba Trung, Hanoi and Vinmec Hospital / clinic branches nationwide 3. Hong Ngoc-55 Yen Ninh General Hospital, Ba Dinh, HN and Hong Ngoc's clinics nationwide 4. Department of voluntary treatment / International Department - Central Pediatric Hospital: 18/879 La Thanh, Dong Da, Hanoi 	

Đồng bảo hiểm: NĐBH chi trả 20% tại các bệnh viện/phòng khám sau:

5. Khoa quốc tế - BV Đại học Y: 1 Tôn Thất Tùng, Kim Liên, Đống Đa, Kim Liên Đống Đa Hà Nội
6. Hệ thống PK Gia đình: 298 I Kim Mã, Khu ngoại giao đoàn Vạn Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam và các chi nhánh trên toàn quốc
7. Bệnh viện Quốc tế Green: số 738 đường Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, Hải Phòng
8. Bệnh viện Hoàn Mỹ Đà Nẵng- 161 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng
9. Phòng Khám Bệnh Viện Quốc tế HẠNH PHÚC: Số 97 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Tp. HCM
10. Bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn: 60-60A Phan Xích Long, Phường 1, Q. Phú Nhuận, HCM
11. BV Nhi đồng 2: 14 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
12. Bệnh viện Quốc tế Columbia Asia- Gia Định: 01 đường Nơ Trang Long Phường 7, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
13. Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Vũ Anh: 15-16 Phan Văn Trị, Phường 7, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
14. Bệnh viện Pháp Việt - 6 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TPHCM
15. Bệnh viện Vinmec Central Park-720A Điện Biên Phủ, P. 22, Q. Bình Thạnh, TPHCM
16. Bệnh viện Phụ sản Mekong- 243-243A-243B Hoàng Văn Thụ, P.1, Q. Tân Bình, TPHCM
17. Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Sài Gòn- 63 Bùi Thị Xuân, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TPHCM
18. Bệnh viện Quốc tế Hạnh Phúc: Số 18 Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
19. Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long- Lô 20 Khu Dân cư Phú An - Quang Trung - Phú Thứ, Q. Cái Răng, Cần Thơ
20. Bệnh viện Quốc tế Phương Châu: 300 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Co-pay: The insured pay 20% at the following hospitals / clinics:

5. International Faculty - Medical University Hospital: 1 Ton That Tung, Dong Da, Kim Lien Dong Da Hanoi
6. PK Family System: 298 I Kim Ma, Diplomatic Corps of Van Phuc, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam and branches nationwide
7. Green International Hospital: No. 738, Nguyen Van Linh, Le Chan, Hai Phong
8. Hoan My Da Nang Hospital - 161 Nguyen Van Linh, Thanh Khe, Da Nang
9. HANH PHUC International Hospital Clinic: Số 97 Nguyễn Thị Minh Khai, District 1, Tp. HCM
10. Saigon Hoan My Hospital: 60-60A Phan Xich Long, Phu Nhuan District, Tp. HCM
11. Children's Hospital 2: 14 Ly Tu Trong, District 1, TP. HCM
12. Columbia International Hospital Asia-Gia Dinh: 01 No Trang Long Street, Binh Thanh District, HCMC
13. Vu Anh International General Hospital: 15-16 Phan Van Tri, Go Vap District, Ho Chi Minh City
14. Phap Viet Hospital - 6 Nguyen Luong Bang, District 7, HCMC
15. Vinmec Central Park Hospital-720A Dien Bien Phu, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
16. Mekong Obstetrics Hospital - 243-243A-243B Hoang Van Thu, Tan Binh District, HCMC
17. Saigon International Obstetrics Hospital - 63 Bui Thi Xuan, District 1, Ho Chi Minh City
18. Hanh Phuc International Hospital: Number 18, Binh Duong Boulevard, Binh Duong Province
19. Hoan My Cuu Long General Hospital- Lot 20 Phu An Residential Area, Quang Trung, Cai Rang, Can Tho
20. Phuong Chau International Hospital: 300 Nguyen Van Cu (extended), Ninh Kieu District, Can Tho City

ĐỒNG BẢO HIỂM/ COPAY

Ví dụ 1: Người thân A của Cán bộ cấp 5 nằm viện 2 ngày, tổng chi phí thực tế phát sinh là 25 triệu đồng. Hạn mức được bảo hiểm là VNĐ 3,150,000/ngày.

1. Trường hợp A điều trị ở Bệnh viện Hồng Ngọc (thuộc danh sách copay 20%) → Bảo Việt sẽ trả theo hạn mức tối đa của 2 ngày nằm viện và trả 80%: VNĐ 3,150,000 x 2 x 80% = VNĐ 5,040,000
2. Trường hợp A điều trị ở Bệnh viện Bạch Mai (không thuộc danh sách copay 20%) → Bảo Việt sẽ trả chi phí thực tế, tối đa VNĐ 3,150,000 x 2 = VNĐ 6,300,000

Ví dụ 2: Người thân B của Cán bộ cấp 5 điều trị ngoại trú. Hạn mức được bảo hiểm là VNĐ 1,300,000/lần khám

1. Trường hợp B khám tại Việt Pháp (thuộc danh sách copay 20%), chi phí thực tế phát sinh: VNĐ 4,000,000 → Bảo Việt sẽ trả theo hạn mức tối đa của một lần khám ngoại trú và trả 80%: VNĐ 1,300,000 x 80% = VNĐ 1.040,000
2. Trường hợp B khám tại Việt Pháp (thuộc danh sách copay 20%), chi phí thực tế phát sinh: VNĐ 1,000,000 → Bảo Việt sẽ trả theo chi phí thực tế phát sinh và trả 80%: VNĐ 1,000,000 x 80% = VNĐ 800,000
3. Trường hợp B khám tại Bạch Mai (không thuộc danh sách copay 20%), chi phí thực tế phát sinh VNĐ 5,000,000 → Bảo Việt sẽ trả theo hạn mức tối đa của một lần khám ngoại trú: VNĐ 1,300,000
4. Trường hợp B khám tại Bạch Mai (không thuộc danh sách copay 20%), chi phí thực tế phát sinh VNĐ 500,000 → Bảo Việt sẽ trả theo chi phí thực tế phát sinh: VNĐ 500,000

Với điều kiện toàn bộ chi phí phát sinh thực tế phải thuộc rủi ro được bảo hiểm theo quy định trong hợp đồng.

Ví dụ 3: Người thân của Cán bộ cấp 5 sinh mổ theo chỉ định của bác sĩ tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, chi phí thuộc phạm vi bảo hiểm là 20 triệu. Hạn mức tối đa được bảo hiểm cho thai sản thông thường cần phẫu thuật là 40 triệu → Bảo Việt chi trả theo chi phí phát sinh, tối đa 20 triệu

Ví dụ 4: Người thân của Cán bộ cấp 5 sinh mổ theo chỉ định của bác sĩ tại Việt Pháp, chi phí thuộc phạm vi bảo hiểm là 63 triệu. Hạn mức tối đa được bảo hiểm cho thai sản thông thường cần phẫu thuật là 40 triệu → Bảo Việt chi trả theo hạn mức tối đa và trả 80%: 80% x 40 triệu = 32 triệu

Example 1: Dependent A of Staff Level 5 is hospitalized for 2 days, the total actual cost incurred is VND 25 million. The insured limit is VND 3,150,000/ day.

1. A is treated at Hong Ngoc Hospital (inside the 20% copay list) → Bao Viet will pay up to the maximum insured limit of 2 days in the hospital and pay 80%: VNĐ 3,150,000 x 2 x 80% = VNĐ 5,040,000
2. A is treated at Bach Mai Hospital (outside the 20% copay list) → Bao Viet will pay a maximum of VNĐ VNĐ 3,150,000 x 2 = VNĐ 6,300,000

Example 2: Dependent B of Staff Level 5 receives outpatient treatment. The insured limit is VND 1,300,000/ visit

1. In case B examines in Hanoi French Hospital (inside the 20% copay list), the actual cost incurred: VNĐ 4,000,000 → Bao Viet will pay up to the maximum insured limit of outpatient per visit and paid 80%: VNĐ 1,300,000 x 80% = VNĐ 1,040,000
2. In case B examines in Hanoi French Hospital (inside the 20% copay list), the actual cost incurred: VNĐ 1,000,000 → Bao Viet will pay the actual cost incurred and pay 80%: VNĐ 1,000,000 x 80% = VNĐ 800,000
3. In case B examines at Bach Mai (outside the 20% copay list), the actual cost incurred is VNĐ 5,000,000 → Bao Viet will pay up to the maximum insured limit of outpatient per visit: VNĐ 1,300,000
4. In case B examines at Bach Mai (outside the 35% copay list), the actual cost incurred VNĐ 500,000 → Bao Viet will pay the actual cost incurred: VNĐ 500,000

Provided that all actual expenses incurred must be due to the insured risk and such expenses is covered under the insurance policy

Example 3: Dependent of Staff Level 5 has a cesarean delivery as indicated by doctor at Hanoi Obstetrics and Gynecology Hospital, the cost under the insurance is 20 million VND. The sum insured limit for cesarean delivery is 40 million VND → Baoviet pay the insured cost and maximum 20 million VND

Example 4: Dependent of Staff Level 5 has a caesarean delivery as indicated by doctor at L'Hôpital Francais De Hanoi, the cost of insurance is 63 million VND. The sum insured limit for cesarean delivery is 40 million VND → Bao Viet pays the maximum and pay 80%: 80% x 40 million = 32 million VND

ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ/ IN-PATIENT TREATMENT

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (VND)
Phạm vi địa lý	Việt Nam
Đồng bảo hiểm (Chi tiết tham khảo trang 2)	20%
Giới hạn/ người/ năm	63,000,000
<p>1. Chi phí nằm viện: Bồi hoàn cho các chi phí dịch vụ y tế cần thiết phát sinh trong suốt thời gian nằm viện, bao gồm nhưng không giới hạn:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tiền giường phòng, quần áo bệnh viện- Chi phí X-quang, chi phí các chẩn đoán, scan, CT & MRI- Chi phí xét nghiệm- Chi phí thuốc và vật tư y tế- Truyền tĩnh mạch- Thủ thuật điều trị nội trú hoặc trong ngày theo danh mục của Thông tư 50/2014/TT-BYT- Điều trị trong ngày- Các chi phí y tế liên quan khác <p>Lưu ý: Chi phí Vật lý trị liệu được chi trả trong quyền lợi Ngoại trú.</p>	<p>3,150,000/ ngày Tối đa 60 ngày/ năm</p>
<p>Loại phòng điều trị: Trường hợp sử dụng phòng VIP, Delux hoặc phòng bao, CTBH sẽ bồi thường theo chi phí của phòng tiêu chuẩn (phòng tiêu chuẩn là phòng đơn có giá cao nhất tại bệnh viện đang điều trị) . Nếu Người được bảo hiểm sử dụng các loại phòng khác không phải là phòng VIP, Delux hoặc phòng bao, chi trả theo chi phí phát sinh thực tế của loại phòng đó tối đa tới hạn mức bảo hiểm chi phí nằm viện/ngày</p>	

BENEFITS	SUM INSURED (VND)
Geographical limit	Vietnam
Co-pay (Refer to page 2 for details)	20%
Sum insured/ person/ year	63,000,000
<p>1. Hospitalization costs: Reimburse necessary medical expenses incurred during hospitalization, including but not limited to:</p> <ul style="list-style-type: none">- Room and board, hospital clothing- X-ray, diagnosis, scans, CT & MRI,...- Lab test- Drugs and medical supplies- Intravenous- Minor for in-patient or day-patient treatment according to the list of Circular 50/2014 / TT-BYT- Day-patient- Other related medical costs <p>Note: Physiotherapy is covered under Outpatient</p>	<p>3,150,000/ day Max 60 days/ year</p>
<p>Room & Board: In case of using a VIP, Deluxe or whole room, the insurer will compensate the cost of the standard room (the standard room is the single room with the highest price at the hospital being treated). If the Insured is using a room other than a VIP room, Deluxe room or whole room, pay the actual incurred cost of that room up to Hospitalization cost/day</p>	

ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ/ IN-PATIENT TREATMENT

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (VND)
<p>2. Chi phí Phẫu thuật (bao gồm phẫu thuật nội trú, phẫu thuật trong ngày và phẫu thuật ngoại trú) theo danh mục Thông tư 50/2014/TT-BYT:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chi phí phẫu thuật- Chi phí phòng phẫu thuật- Chi phí Bác sĩ thăm khám trong và sau khi phẫu thuật- Chi phí gây mê- Chi phí phẫu thuật lại- Chi phí cấy ghép nội tạng- Thiết bị, bộ phận cấy ghép vào cơ thể để duy trì sự sống bao gồm cả stent động mạch vành, van tim, stent: CTBH thanh toán 100% chi phí thực tế và không vượt quá STBH tối đa- Dao mổ trĩ theo phương pháp longo: CTBH thanh toán 100% chi phí thực tế và không vượt quá STBH tối đa	Chi trả toàn bộ, tối đa STBH
<p>3. Điều trị tại phòng cấp cứu trong tình trạng nguy kịch: Bồi thường cho các chi phí thực tế và cần thiết phát sinh trong thời gian điều trị tại Phòng cấp cứu trong tình trạng nguy kịch theo định nghĩa trong Quy tắc bảo hiểm (không áp dụng cho trường hợp thai sản)</p>	Chi trả toàn bộ, tối đa STBH
<p>4. Chi phí vận chuyển cấp cứu trong tình trạng nguy kịch bằng dịch vụ xe cứu thương của bệnh viện tại Việt Nam hoặc dịch vụ 115 và chi phí taxi chiều đi để vận chuyển Người được Bảo hiểm tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị trong trường hợp khẩn cấp. Người được bảo hiểm phải cung cấp được hóa đơn hợp lệ</p>	Chi trả toàn bộ, tối đa STBH

BENEFITS	SUM INSURED (VND)
<p>2. Medical expenses relating to an in-patient, day-patient, out-patient surgical operation according to the list of Circular 50/2014/TT-BYT, including:</p> <ul style="list-style-type: none">- Fees for the surgical procedure- Operating theatre- Doctors cost within and after surgery- Anesthetizing fees- Redone operation- Organ transplantation- Devices implanted in the body to sustain life (include coronary stent, heart valves): pays 100% of the actual cost, up to sum insured- Longo surgical stapler: pays 100% of the actual cost, up to sum insured	Full cover
<p>3. Emergency treatment in critical condition: Compensation for actual and necessary expenses incurred during treatment in the emergency room in emergency situation as defined in Wording (not applicable to maternity)</p>	Full cover
<p>4. Emergency Local Transportation in critical condition by ambulance or 115 service or taxi one way to transport the insured person to the nearest medical facility in emergency situation, VAT invoice is required</p>	Full cover

ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ/ IN-PATIENT TREATMENT

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (VND)	BENEFITS	SUM INSURED (VND)
5. Trợ cấp nằm viện (tối đa 60 ngày/ năm) Áp dụng 1 trong 3 trường hợp dưới đây- Không áp dụng cho Thai sản		5. Daily allowance during hospitalization (max 60 days/year) Only 1 of 3 following situation will be applied - Not applicable to Maternity	
5a. Trợ cấp ngày trong suốt thời gian nằm viện (tối đa 60 ngày/năm)	63,000/ ngày	5a. Daily allowance during hospital stay (maximum 60 days / year)	63,000/ day
5b. Điều trị tại Bệnh viện công: Trợ cấp ngày trong thời gian nằm điều trị tại bệnh viện công (không áp dụng cho điều trị đông y, điều trị tại các khoa điều trị tự nguyện và khoa quốc tế của bệnh viện công) (Tối đa 60 ngày/năm)	95,000/ ngày	5b. At state-owned hospitals (not applicable for Chinese medicine treatment, international department and voluntary department at state-owned hospitals) (maximum 60 days / year)	95,000/ day
5c. Trợ cấp nằm bệnh viện công và không yêu cầu bồi thường chi phí y tế	210,000/ ngày	5c. At state-owned hospitals and do not claim for medical expenses	210,000/ day
6. Trợ cấp mai táng (tử vong khi nằm viện)	2,100,000	6. Burial allowance (death in the hospital)	2,100,000
7. Khám và chẩn đoán trước khi nhập viện: Bồi thường cho các chi phí cần thiết như chi phí tư vấn của Bác sỹ chuyên khoa và các chi phí xét nghiệm chẩn đoán và các chi phí xét nghiệm chẩn đoán theo chỉ định của bác sỹ để nhập viện và /hoặc phẫu thuật (trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện) (bao gồm lần khám thai cuối cùng trước khi nhập viện để sinh)	3,150,000/ năm	7. Pre-hospitalization: including necessary expenses such as the cost of the doctor's consultation, the cost of the diagnostic test prescribed by the doctor for hospitalization and / or surgery for the latest visit for admission (within 30 days prior to the date of hospital admission) (includes last prenatal check-up before admission for delivery)	3,150,000/ year
8. Chi phí khám và điều trị sau khi xuất viện (trong vòng 30 ngày sau khi xuất viện)	3,150,000/ năm	8. Post-hospitalization: re-examination costs after discharge according to the doctor's prescription (within 30 days from the date of hospital discharge)	3,150,000/ year
9. Y tá chăm sóc tại nhà sau xuất viện (trong vòng 30 ngày sau xuất viện theo chỉ định của bác sĩ điều trị vì những lý do đặc thù của ngành y với điều kiện nằm viện tối thiểu 7 ngày)	3,150,000/ năm	9. Home Nursing (indicated by doctor, within 30 days from the date of hospital discharge after at least 7 days hospitalization)	3,150,000/ year

ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ/ IN-PATIENT TREATMENT

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (VND)
10. Quyền lợi thai sản: Bồi thường cho các chi phí y tế thực tế và cần thiết trong suốt thời gian mang thai và sinh con, bao gồm:	
- Chi phí Chăm sóc dưỡng nhi trong vòng 15 ngày sau khi sinh với điều kiện mẹ chưa xuất viện (bao gồm chi phí chăm sóc em bé, chi phí điều trị bệnh cấp tính, vitamin K và vắc xin)	420,000/ thai kỳ
- Sinh nở thông thường	Chi trả theo quyền lợi 1. Chi phí nằm viện
- Thai sản thông thường cần phẫu thuật	Tối đa 40,000,000
- đẻ mổ tự nguyện	6,300,000
- Biến chứng thai sản Nội trú	- Bao gồm trong quyền lợi 1. Chi phí nằm viện và 2. Chi phí phẫu thuật.
- Biến chứng thai sản Ngoại trú	630,000/ năm (bao gồm trong hạn mức Ngoại trú)
11. Trợ cấp nằm viện điều trị ốm bệnh/ngày nếu kết hợp sử dụng thẻ BHYT (BHYT chi trả từ 40% trở lên)	200,000/ ngày
12. Trợ cấp sinh nếu kết hợp sử dụng thẻ BHYT (BHYT chi trả từ 40% trở lên)	Sinh thường: 1,000,000 Sinh mổ: 1,500,000

BENEFITS	SUM INSURED (VND)
10. Pregnancy & Childbirth: Reimburse for necessary medical expenses during pregnancy and childbirth, including:	
- Babycare within 15 days after birth in case the mother is not yet discharged (including new-born baby care expenses, the cost of treating acute illness, vitamin K and vaccination)	420,000/ pregnancy
- Normal delivery	Included in 1. Hospitalization costs
- Caesarean section as directed by a doctor	Up to 40,000,000
- Voluntary C-section	6,300,000
- In-patient Complications of pregnancy	Included in 1. Hospitalization costs & 2. Surgical costs
- Out-patient Complications of pregnancy	630,000/ year (included in Out-patient benefit)
11. Allowance in case the insureds use States Medical Insurance (States Medical Insurance cover from 40% total medical expenses)	200,000/ day
12. Birth allowance if combined with using States Medical Insurance card (States Medical Insurance covers 40% or more)	Normal birth: 1,000,000 Caesarean section: 1,500,000

ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ/ OUT-PATIENT TREATMENT

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (VND)
Phạm vi địa lý	Việt Nam
Giới hạn/ người/ năm	6,300,000
Đồng bảo hiểm (Chi tiết tham khảo trang 2)	20%
Bồi hoàn các chi phí điều trị y tế phát sinh do ốm đau, bệnh tật, thai sản khi Người được bảo hiểm điều trị ngoại trú tại các bệnh viện, cơ sở y tế được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, bao gồm nhưng không giới hạn: - Chẩn đoán của Bác sĩ chuyên khoa và Bác sĩ đa khoa; - Xét nghiệm và X-quang (theo chỉ định của bác sĩ & liên quan trực tiếp đến chẩn đoán bệnh cuối cùng); - Thuốc men (theo kê đơn của bác sĩ); - Chữa trị theo phương pháp Đông y; - Điều trị biến chứng Thai sản ngoại trú - Thủ thuật điều trị ngoại trú theo danh mục của Thông tư 50/2014/TT-BYT) - Vật lý trị liệu, nắn xương khớp theo chỉ định của bác sĩ;	
Giới hạn mỗi lần khám (*)	1,300,000/ lần khám
Vật lý trị liệu có phác đồ điều trị và theo chỉ định của bác sĩ (tối đa 60 ngày /năm)	126,000/ ngày
Khám bệnh từ xa qua ứng dụng App của Doctor Anywhere or MyDoc	650,000/ lần khám, tối đa 5 lần/năm
(*) Định nghĩa một lần khám/ điều trị: xem slide Một số định nghĩa	

BENEFITS	SUM INSURED (VND)
Geographical limit	Vietnam
Sum insured/ person/ year	6,300,000
Co-pay (Refer to page 2 for details)	20%
Reimbursement of medical expenses incurred due to sickness, illness or maternity when the insured persons are treated for outpatient treatment at hospitals or medical establishments lawfully established in Vietnam, including unlimited: - Diagnosis by a specialist and a general practitioner; - Examination and x-ray (as directed by the doctor and related directly to the final diagnosis); - Medications (prescribed by the doctor); - Oriental medicine treatment; - Treatment of outpatient obstetric complications - Procedures for outpatient treatment according to the list of Circular 50/2014 / TT-BYT) - Physical therapy, chiropractic as prescribed by the doctor	
Limit per visit (*)	1,300,000/ visit
Physical therapy, rehabilitation with treatment regimen and as directed by the doctor (maximum 60 days per year)	126,000/ day
Telemedicine via Mobile App of Doctor Anywhere or MyDoc	650,000/ visit, max 5 visit / year
(*) A medical examination per visit: see slide Definition	

1. Chi phí y tế điều trị Covid-19 tại nhà

- Xét nghiệm PCR Covid-19 thực hiện tại nhà có kết quả dương tính (không bảo hiểm cho các dịch vụ phát sinh ngoài chi phí xét nghiệm) được bảo hiểm dưới hạn mức 1 lần khám. Tất cả các lần xét nghiệm PCR Covid-19 tại nhà có kết quả dương tính đều thuộc phạm vi bảo hiểm với điều kiện việc thực hiện mỗi xét nghiệm cách nhau tối thiểu 10 ngày và cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ hợp lệ:
- Nếu sử dụng dịch vụ của hệ thống Vinmec, Việt Pháp, FV, Columbia, Victor, Rafle, Hạnh Phúc, QT Hạnh Phúc: chi trả tối đa 50% hạn mức một lần khám
- Nếu sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp khác: thanh toán tối đa 100% hạn mức 1 lần khám
- Giấy tờ yêu cầu bồi thường với xét nghiệm PCR tại nhà: Giấy yêu cầu bồi thường, Kết quả PCR dương tính, hoá đơn.
- Chi phí thuốc (nếu có): được Chi trả khi có đơn thuốc của bác sĩ / cơ sở y tế cung cấp & hóa đơn tài chính. Việc mua thuốc tự nguyện hoặc không có đơn thuốc sẽ không được Chi trả bồi thường

2. Điều trị Nội trú COVID-19

Được bảo hiểm theo quyền lợi Nội trú

1. Medical expenses for COVID-19 home treatment

- The cost of each RT-PCR test with positive results and done at least 10 days apart will be covered under Out-patient benefit subject to limit per visit provided that the insured persons can provide legal invoice
- In case of using medical service in Vinmec, HFH, FV, Columbia, Victor, Rafle, Hạnh Phúc, QT Hạnh Phúc: cover up to 50% limit per visit of Out-patient benefit.
- In case of using medical service in others medical facilities: cover up to 100% limit per visit of Out-patient benefit
- Claim documents for PCR test expenses: Claim form, PCR test with positive result, invoice
- Medicine/Drug (if any): cover provided that the insured persons has prescription issued by the attending doctor and legal invoice. Buying medicine/drug without doctor's prescription will be not covered

2. In-patient treatment for COVID-19

Cover under In-patient benefit

ĐIỀU TRỊ RĂNG/ DENTAL CARE

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (VND)	BENEFITS	SUM INSURED (VND)
Phạm vi địa lý	Việt Nam	Geographical limit	Vietnam
Giới hạn/ người/ năm	Bao gồm trong giới hạn Ngoại trú	Sum insured/ person/ year	Included in Out-patient limit
Đồng bảo hiểm (Chi tiết tham khảo trang 2)	20%	Co-pay (Refer to page 2 for details)	20%
Khám răng cơ bản: - Khám và chẩn đoán bệnh, Chụp X-quang - Điều trị viêm nướu (thối nướu răng), viêm nha chu - Hàn răng (amalgam, composite, fuji, gic hoặc các chất liệu tương đương) - Điều trị tủy răng - Nhổ răng bệnh lý (kèm theo phẫu thuật)	Không vượt quá 1,680,000/năm Lấy cao răng/ làm sạch răng (1 lần/năm, 300,000/ lần)	Basic dental care - Consultation and diagnosis, X-ray - Gingivitis, periodontitis - Normal fillings (amalgam, composite or similar materials) - Root canal treatment - Removal of decayed teeth (with surgery)	Max 1,680,000/ year Tooth cleaning (once/year, 300,000/time)
Lưu ý: - Cơ sở y tế điều trị nha khoa được chi trả: Tại tất cả các bệnh viện, phòng khám hợp pháp trừ các phòng khám nha khoa trong danh sách black-list được quy định bởi Bảo Việt - Danh sách không được bảo hiểm được cập nhật thường xuyên trên website của Bảo Việt: http://www.baoviet.com.vn		Note: - Cover dental treatment in legal hospitals or clinics nationwide except dental clinics stated in Bao Viet's black list - The black list is updated on website: http://www.baoviet.com.vn	

DANH SÁCH NHA KHOA BỊ TỪ CHỐI /BLACK LIST DENTAL CLINICS

STT	Nha khoa	Địa chỉ
1	Happy Dental Clinic	26 Ham Nghi St., Da Nang
2	Da Nang Family Care	50-52 Nguyen Van Linh, Hai Chau Dist, Da Nang.
3	Dai Nam Dental Clinic	328 Ong Ich Khiem St., Da Nang
4	Tham Mỹ Tuong Lai Dental Clinic	26 Phan Dinh Phung St. Binh Duong
5	Hong Phuc Dental Clinic	246, 30/4 Street, Rach Dua Ward, Vung Tau City
6	Hong Phuc Dental Clinic	78 Le Hong Phong St., Vung Tau City
7	Viet My Thanh Phat Dental Clinic	135 Le Hong Phong St., Vung Tau City
8	Nha khoa Cali	303 CMT8, Phường 12, Quận 10, TPHCM
9	Nha khoa Nhật Mỹ 2	9 Vĩnh Hội, Phường 4, Quận 4, TPHCM
10	Nha Khoa Toàn Sứ	207-209 Phan Đăng Lưu, P1, Quận Phú Nhuận, TPHCM
11	Nha khoa Việt Hàn	199 Lò Đúc, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng
12	Nha khoa Minh Tâm	1B Trần Hưng Đạo, HBT
13	TT Nha Khoa Viplab	54 Nguyễn Hồng - Đồng Đa - Hà Nội
14	Nha khoa Bảo Việt	Tầng 1 toà nhà Hacinco, Hoàng Đạo Thúy, Thanh Xuân, Hà Nội
15	nha khoa Việt Chi	Số 6 ngõ 153 Nguyễn Thị Định, Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội
16	Nha khoa Minh Thu	92 Hoàng Ngân, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
17	Nha Khoa Quốc tế Việt Pháp	24 Trần Duy Hưng, Hà Nội
18	Nha khoa 105 Thành Công	105 Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội
19	Nha khoa Mỹ	11, Cửa Nam, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
20	Trung tâm nha khoa BS Thành	78 Kim Mã Thượng HN
21	Nha khoa Việt Mỹ	61, Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
22	Nha khoa thẩm mỹ Hoàng Gia	177, Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
23	Nha khoa Mỹ Châu	70 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

STT	Nha khoa	Địa chỉ
24	Phòng khám răng hàm mặt Việt Xô	108, Lương Thê Vinh, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
25	Nha khoa Happy Smiles Land	25 Trần Duy Hưng, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
26	Nha khoa Dững Trí	204, Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
27	Nha Khoa Hà Thành	Số 03 Dương Quảng Hàm, Cầu Giấy
28	Nha Khoa Bảo Việt	117 Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
29	Nha khoa Sài Gòn	208 Trung Kính, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
30	Nha khoa Osaka	VP3 bán đảo Linh Đàm, Nguyễn Duy Trinh, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
31	Phòng khám nha khoa Minh Châu	308, Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
32	Nha khoa Minh Tâm	46, Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
33	Phòng khám nha khoa Sài Gòn	376 Trần Khát Chân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
34	Phòng khám đa khoa Minh Tâm	1B, Trần Hưng Đạo, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
35	Phòng khám đa khoa Việt Hàn	9, Ngõ Thi Nhậm, Phường Ngõ Thi Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
36	Nha khoa quốc tế Nguyễn Khoa	5 Nguyễn Du, Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội
37	Phòng khám nha khoa Hà Anh	48, Lê Văn Hưu, Phường Ngõ Thi Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
38	Nha Khoa Việt Nhật	12C, Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội
39	Nha khoa Thành Công	112 H1, Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội
40	Trung tâm nha khoa 225	225, Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
41	Nha khoa Quốc tế Hà Nội Seoul thuộc Công ty TNHH Nha khoa Thiên Phúc	CS2: 95 Vũ Ngọc Phan, Láng Hạ, Hà Nội
42	Nha khoa Việt Pháp - Bác sỹ Lê Hoàng Thanh Tuấn	Cơ sở 1: 459 Lê Duẩn, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng Cơ sở 2: 146 Ham Nghi, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
43	Phòng khám đa khoa Hồng Phước	96 Triệu Nữ Vương, Hải Châu 2, Hải Châu, Đà Nẵng
44	Nha khoa Hoàn Mỹ Đà Nẵng (Nha khoa thẩm mỹ Đà Nẵng)	72 Pasteur, Hải Châu 1, Hải Châu, Đà Nẵng

DANH SÁCH CƠ SỞ Y TẾ KHÔNG CHI TRẢ/BLACK LIST OF MEDICAL PROVIDERS

Bảo Việt sẽ không chi trả cho các chi phí khám chữa tại các cơ sở y tế thuộc Blacklist.
Danh sách này có thể thay đổi mà không cần báo trước, thông tin thay đổi được cập nhật thường xuyên tại website: <https://www.baoviet.com.vn/insurance/Dich-vu-khach-hang/Dich-vu-giai-quyet-quyen-loi-bao-hiem/CustomerServices/159/>

Vui lòng lưu ý kiểm tra danh sách trước khi thăm khám/điều trị.

Bao Viet will not pay for the medical expenses at medical providers in Bao Viet's blacklist.
This blacklist will be updated and changed automatically without notification in advance at website: <https://www.baoviet.com.vn/insurance/Dich-vu-khach-hang/Dich-vu-giai-quyet-quyen-loi-bao-hiem/CustomerServices/159/>









Please check this link before your visit/treatment.

STT	Khu vực	Cơ sở y tế	Địa chỉ
1	Đà Nẵng	Phòng khám Đa khoa Hồng Phước	96 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu
2	Đà Nẵng	Công ty TNHH một thành viên nha khoa thẩm mỹ Đà Nẵng	72 Pasteur, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu
3	Đà Nẵng	Công ty TNHH TM & DV Tổng hợp Minh Anh Phát	Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 48, đường Đinh Thị Hòa, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà
4	Đà Nẵng	Nha khoa thẩm mỹ Hoàng Dung	175 Ông Ích Khiêm, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu
5	Đà Nẵng	Nha khoa Happy	26 Hàm Nghi, P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê
6	Đà Nẵng	Nha khoa Đại Nam	328 Ông Ích Khiêm, P. Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê
7	TP.HCM	Nha khoa DR. Tiên	124B Man Thiện, P. Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức
8	TP.HCM	Nha khoa Sunrise City	29 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Hưng, Quận 7
9	TP.HCM	Nha khoa Hòa Hảo	9-11 Hoàng Hữu Nam, KP6, P. Tân Phú, TP. Thủ Đức
10	TP.HCM	Nha khoa Ngọc Anh	- 133A Hoàng Diệu 2, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức; - 473 Đỗ Xuân Hợp, P. Phước Long B, Quận 9; - 77A-77B Hiệp Bình, P. Hiệp Bình Phước, Thủ Đức
11	TP.HCM	Nha khoa Minh Phát	357 Nguyễn Thái Bình, P. 12, Quận Tân Bình
12	TP.HCM	Nha khoa Khánh Nhi	89 Bàu Cát 4, P. 14, Quận Tân Bình
13	TP.HCM	Nha khoa Nhật Mỹ	9 Vĩnh Hội, P4, Quận 4
14	TP.HCM	Nha Khoa Cali	303C Cách Mạng Tháng Tám, P12, Quận 10
15	TP.HCM	Nha khoa bác sĩ Vĩnh Hòa	201 Điện Biên Phủ, P6, TP. Trà Vinh

ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH/ MAIN EXCLUSIONS

Các chi phí y tế phát sinh và hậu quả của chúng thuộc điểm loại trừ **sẽ không được chi trả bồi thường**

(Chi tiết tham khảo Các điểm loại trừ đầy đủ trong Quy tắc bảo hiểm đính kèm hợp đồng)

		
Điều trị tại nhà, các cơ sở y tế không đăng ký hoạt động hợp pháp	Hành động tự tử, cố ý gây thương tích, tham gia đấu đả	Hậu quả sử dụng rượu bia, các chất kích thích, thuốc không kê đơn
		
Chi phí bất hợp lý, chi phí theo yêu cầu của NĐBH	Các bệnh rối loạn tâm lý, stress, suy nhược cơ thể, mệt mỏi, ngủ ngày	Tham gia các môn thể thao nguy hiểm, tham gia các cuộc đua
		
Kiểm tra định kỳ, tiêm chủng, vắc-xin, khám không có bệnh lý	Tật khúc xạ (cận thị, viễn thị, loạn thị), các thoái hóa tự nhiên về thính giác, thị giác (gồm đục thủy tinh thể)	Phẫu thuật thẩm mỹ, chỉnh hình, điều trị thử nghiệm
		
Bệnh bẩm sinh, di truyền, điều trị hiếm muộn	Các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, rối loạn chức năng sinh dục	Thực phẩm chức năng, Mỹ phẩm, thuốc bổ tăng cường sức khỏe
		
Bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, HIV/AIDS	Hành động sai phạm, vi phạm quy định của tổ chức, vi phạm luật lệ an toàn giao thông	Thiết bị, dụng cụ giả, thiết bị phục vụ cá nhân NĐBH

The following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses **are excluded from this Policy**

(For detail, please refer full Exclusions in the Policy Wording)

		
Home services or treatment at illegal medical providers	Attempt to injure or suicide	Influenced by alcoholic substance
		
Unreasonable expenses and expenses required by the insured	Mental illness, psychiatric disorder, physical depression	Dangerous Sport Activities
		
Health screening, examination test with normal result or no doctor's prescription	Natural degenerative eye & ear defects, Eyes refraction	Any type of treatment for beauty purpose
		
Congenital anomalies, genetic diseases	Impotence, genital function disorder, sex changes, contraception	Functional food, Cosmetic, Tonic
		
STDs, AIDS/HIV	Violation of law or authority	Self-services by Insured or dependent

ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH/ MAIN EXCLUSIONS

Các chi phí y tế phát sinh và hậu quả của chúng thuộc điểm loại trừ **sẽ không được chi trả bồi thường**
(Chi tiết tham khảo Các điểm loại trừ đầy đủ trong Quy tắc bảo hiểm đính kèm hợp đồng)

BẢO HIỂM TAI NẠN
Các chi phí điều trị bất hợp lý, không cần thiết về mặt y tế, không theo thông lệ hợp lý và không theo chỉ định của bác sĩ.
Hành động cố ý gây thiệt hại của Người được bảo hiểm hoặc người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm.
Người được bảo hiểm cố ý vi phạm pháp luật, nội quy, quy định của chính quyền địa phương hoặc các tổ chức xã hội
Người được bảo hiểm tham gia các hoạt động thể thao chuyên nghiệp hoặc các hoạt động thể thao nguy hiểm, các hoạt động của lực lượng vũ trang
Điều khiển hoặc thi hành công vụ trên máy bay, trừ khi là hành khách mua vé trên máy bay của một hãng hàng không chở khách hoặc thuê chuyến hoạt động
Chiến tranh, nội chiến, đình công, khủng bố

The following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses **are excluded from this Policy**
(For detail, please refer full Exclusions in the Policy Wording)

PERSONAL ACCIDENT
Any expenses in excess of medically necessary, customary and reasonable charges and not prescribed by Doctor.
Attempt to injure by the Insured person or the beneficiary.
Any intentional breach of the law, regulation, regulation of local authority or of social associations by the Insured Person
The Insured Person participates in professional sport activities or dangerous sport activities or army forces activities.
Aviation other than as a fare-paying passenger on a legally recognized airline or charter air service
War, civil war, strike, terrorism.

ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH/ MAIN EXCLUSIONS

Các chi phí y tế phát sinh và hậu quả của chúng thuộc điểm loại trừ **sẽ không được chi trả bồi thường**
(Chi tiết tham khảo Các điểm loại trừ đầy đủ trong Quy tắc bảo hiểm đính kèm hợp đồng)

BẢO HIỂM TAI NẠN
Người được bảo hiểm bị tác động bởi chất kích thích, chất gây nghiện, thuốc cai nghiện, thuốc không được bác sĩ chuyên môn kê toa, rượu, bia hoặc các chất có cồn và việc ảnh hưởng này là nguyên nhân gây ra tai nạn.
Người được bảo hiểm điều khiển phương tiện giao thông trong tình trạng có nồng độ cồn vượt quá quy định của Luật giao thông
Các chấn thương do các tác nhân hạt nhân gây ra hoặc do bị nhiễm chất phóng xạ
Bất kỳ hành động cố ý phạm pháp hoặc ẩu đả của Người được bảo hiểm, trừ khi là hành động cứu người, bảo vệ tài sản hoặc tự vệ
Các chi phí và điều trị từ trước ngày có hiệu lực của hợp đồng, cho các đối tượng không đủ điều kiện tham gia bảo hiểm.

The following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses **are excluded from this Policy**
(For detail, please refer full Exclusions in the Policy Wording)

PERSONAL ACCIDENT
The Insured is under direct influence of stimulants, drug, medication for drug abuse treatment, medication not prescribed by Doctor, alcohol, beer or alcoholic substance and this influence is the cause of accident.
The Insured Person drives while having blood alcohol limit in excess of the limit regulated under Law of Transportation
Injuries caused by nuclear fission, nuclear fusion or radioactive contamination.
Assault provoked by the Insured Person other than attempt to save human life, property of others or self-defense action.
Medical Expenses and medical treatment incurred before the Effective date, for people, who are not eligible to this insurance

ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH/ MAIN EXCLUSIONS

Các chi phí y tế phát sinh và hậu quả của chúng thuộc điểm loại trừ **sẽ không được chi trả bồi thường**
(Chi tiết tham khảo Các điểm loại trừ đầy đủ trong Quy tắc bảo hiểm đính kèm hợp đồng)

BẢO HIỂM SỨC KHỎE
Dịch vụ điều trị tại nhà (không bao gồm chi phí y tá chăm sóc tại nhà) hoặc tại viện điều trị bằng thủy lực hay các phương pháp thiên nhiên, spa, viện điều dưỡng, an dưỡng, hoặc tại những nơi không phải là Cơ sở y tế
Kiểm tra tầm soát và khám sức khỏe định kỳ /khám sức khỏe tổng quát; khám kiểm tra phụ khoa/nam khoa; khám thai định kỳ; tiêm chủng, vaccin và thuốc chủng ngừa, kiểm tra mắt thông thường, kiểm tra thính giác thông thường, các khuyết tật thoái hóa tự nhiên của mắt, các tật khúc xạ của mắt (bao gồm nhưng không giới hạn ở các tật khúc xạ mắt như cận, viễn, loạn thị), đục thủy tinh thể không do bệnh lý, bất kỳ phẫu thuật nào để hiệu chỉnh các khuyết tật thoái hóa thính giác và thị giác, và khám sức khỏe trước khi đi du lịch hoặc đi làm
Khuyết tật bẩm sinh, dị tật bẩm sinh, các bệnh hoặc dị dạng thuộc về gen, tình trạng sức khỏe di truyền với các dấu hiệu từ lúc sinh
Điều trị và phẫu thuật theo yêu cầu của Người được bảo hiểm mà không liên quan tới điều kiện điều trị và phẫu thuật bình thường do ngành y tế quy định
Khám và các xét nghiệm không có kết luận bệnh của bác sĩ

The following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses **are excluded from this Policy**
(For detail, please refer full Exclusions in the Policy Wording)

HEALTH INSURANCE
Home treatment services (apart from Home nursing), treatments received in health hydros, nature cure clinics, spa, sanatorium, nursing home or long term care facility or similar establishment, which is not Medical facility.
Routine physical examinations including general health check-up, gynaecological/ andrology check-up, pre-natal check-up, inoculations, vaccinations and preventative medicines, normal eye tests, normal hearing tests, examination and treatment non-medical/natural degenerative eye defects, eyes refraction (including myopia, presbyopia and astigmatism) and cataract due to the natural degradation, any corrective surgery for non-medical/natural degenerative sight and hearing defects, examination for employment or travel purpose.
Birth defects, congenital anomalies, genetic deformities or diseases, hereditary medical conditions with symptoms manifesting at birth.
Treatment and operation carried out as requested by the Insured Person which are not associated with common treatment or operation as regulated by S.R. Vietnam's Ministry of Health
Check-up, examination and test without attending doctor's indication of treatment and prescription

ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH/ MAIN EXCLUSIONS

Các chi phí y tế phát sinh và hậu quả của chúng thuộc điểm loại trừ **sẽ không được chi trả bồi thường**
(Chi tiết tham khảo Các điểm loại trừ đầy đủ trong Quy tắc bảo hiểm đính kèm hợp đồng)

BẢO HIỂM SỨC KHỎE
Các hình thức điều trị thẩm mỹ, điều trị cân nặng, giải phẫu thẩm mỹ hoặc phẫu thuật tạo hình và các hậu quả liên quan
Các chi phí cung cấp, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị,, dụng cụ chỉnh hình, các thiết bị trợ thính hoặc thị lực, nạng hay xe lăn, các máy móc, thiết bị dụng cụ phục vụ cá nhân Người được bảo hiểm để chẩn đoán bệnh hoặc hỗ trợ điều trị y tế (máy tạo nhịp tim, máy khí dung...) Các chi phí cung cấp, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, bộ phận giả ngoại trừ các dụng cụ, thiết bị cần thiết phải được cấy ghép vào bên trong cơ thể để duy trì sự sống như quy định trong Quyền lợi chi phí phẫu thuật.
Hậu quả của việc sử dụng ma túy, các chất có cồn, thuốc không có chỉ định của bác sĩ chuyên môn hoặc thuốc chỉ định để điều trị các bệnh nghiện.
Chiến tranh hoặc các hành động thù địch kể cả có tuyên chiến hay không, khủng bố, tác nhân hạt nhân hoặc do chất phóng xạ.
Các chi phí để có cơ quan cấy ghép nội tạng như cho, nhận, mua, vận chuyển, bảo quản nội tạng. Tuy nhiên, hợp đồng bảo hiểm này bảo hiểm cho các chi phí y tế cho việc cấy ghép nội tạng vào cơ thể.

The following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses **are excluded from this Policy**
(For detail, please refer full Exclusions in the Policy Wording)

HEALTH INSURANCE
Any type of treatment for Beauty purpose, weight problem, cosmetic or plastic surgery and its related consequences
Costs of providing, maintaining, fitting or repairing any external prostheses or appliances, corrective devices, hearing and/or visual aids, crutches, wheelchairs or other equipments, equipments of personal medical treatment or diagnosis (artificial pacemaker, nebulizer machine). Costs of providing, maintaining or fitting any prostheses except for any equipment and devices to be implanted into the human body to sustain life as shown in the “Surgical Procedures” benefit.
Consequence of taking drug, alcoholic substance, medication without physician’s indication or medication for drug abuse treatment.
War (declared or not), hostilities, terrorism, nuclear factor or radioactive contamination.
Cost incurred in connection with locating a replacement organ such as giving, buying, transportation, maintenance. Nevertheless, the Policy covers organ transplantation expenses.

ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH/ MAIN EXCLUSIONS

Các chi phí y tế phát sinh và hậu quả của chúng thuộc điểm loại trừ **sẽ không được chi trả bồi thường**
(Chi tiết tham khảo Các điểm loại trừ đầy đủ trong Quy tắc bảo hiểm đính kèm hợp đồng)

BẢO HIỂM SỨC KHỎE
Việc điều trị không được khoa học công nhận, điều trị thử nghiệm
Việc điều trị do sai sót chuyên môn của Bác sĩ
Các chi phí và điều trị cho các đối tượng không đủ điều kiện tham gia bảo hiểm
Điều trị tại phòng mạch bác sỹ tư, phòng nha tư nhân không có giấy phép hành nghề và không cung cấp được chứng từ/hóa đơn tài chính theo quy định của luật pháp

The following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses **are excluded from this Policy**
(For detail, please refer full Exclusions in the Policy Wording)

HEALTH INSURANCE
Treatment that is not scientifically recognized or is experimental in nature.
Treatment due to the attending Physician's fault.
Medical expenses and treatment for people, who are not eligible to this insurance.
Treatment at a private clinic or dental clinic, which is unlicensed or fails to provide receipts/invoices in accordance with legal regulations

ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH/ MAIN EXCLUSIONS

Các chi phí y tế phát sinh và hậu quả của chúng thuộc điểm loại trừ **sẽ không được chi trả bồi thường**

(Chi tiết tham khảo Các điểm loại trừ đầy đủ trong Quy tắc bảo hiểm đính kèm hợp đồng)

BẢO HIỂM SINH MẠNG

Do các nguyên nhân tai nạn

Hành động cố ý của Người được bảo hiểm hoặc người thừa hưởng quyền lợi bảo hiểm gây ra

Người được bảo hiểm bị ảnh hưởng trực tiếp do sử dụng rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác

Bệnh có sẵn, trừ khi Người được bảo hiểm đã tham gia bảo hiểm này trong suốt 12 tháng liên tục

Bệnh đặc biệt, trừ khi Người được bảo hiểm đã tham gia bảo hiểm này trong suốt 12 tháng liên tục

Dị tật bẩm sinh, bệnh tâm thần

The following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses **are excluded from this Policy**

(For detail, please refer full Exclusions in the Policy Wording)

LIFE INSURANCE

Any accident

Any intentional act committed by the Insured Person or his beneficiary

The fact that the Insured is under direct influence of alcohol, beer, drugs, or other stimulants

Any pre-existing medical condition, unless the Insured Person has entered into this Policy for 12 consecutive months

Any special disease, unless the Insured Person has entered into this Policy for 12 consecutive months

Any congenital anomaly or mental illness

ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH/ MAIN EXCLUSIONS

Các chi phí y tế phát sinh và hậu quả của chúng thuộc điểm loại trừ **sẽ không được chi trả bồi thường**
(Chi tiết tham khảo Các điểm loại trừ đầy đủ trong Quy tắc bảo hiểm đính kèm hợp đồng)

BẢO HIỂM SINH MẠNG
Điều trị hoặc sử dụng thuốc không theo hướng dẫn của bác sĩ điều trị
Điều trị chưa được khoa học công nhận, điều trị thử nghiệm
Người được bảo hiểm vi phạm pháp luật, nội quy, quy định của chính quyền địa phương hoặc các tổ chức xã hội
Nguyên nhân thai sản, trừ khi người được bảo hiểm đã được bảo hiểm hơn 12 tháng
Chiến tranh (có tuyên chiến hay không tuyên chiến), các hành động thù địch hoặc mang tính chiến tranh, nội chiến, bạo loạn, bạo động hay bạo loạn dân sự
Do hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS), các bệnh có liên quan đến AIDS hay do vi-rút gây bệnh AIDS; hoặc bệnh lậu, bệnh giang mai, các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục khác

The following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses **are excluded from this Policy**
(For detail, please refer full Exclusions in the Policy Wording)

LIFE INSURANCE
Treatment or use of medications not indicated by the attending Physician
Treatment that is not scientifically recognized or is experimental in nature
The fact that the Insured intentionally violates laws, internal rules or regulations of local authorities or of social associations
Pregnancy, unless the Insured Person has entered into this Policy for 12 consecutive months
War (declared or not), hostilities or war like activities, civil war, commotion, riot, or civil commotion
Acquired Immune Deficiency Syndrome (AIDS), AIDS related complex or conditions caused by the HIV, gonorrhea, syphilis, or any other sexual transmitted diseases

THỜI GIAN CHỜ/ WAITING PERIOD

Quyền lợi	Thời gian chờ
Sảy thai, phá thai được chỉ định bởi bác sĩ	Tỉ lệ 60 ngày (*)
Sinh con	Tỉ lệ 270 ngày (*)
Tử vong/ Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn, thai sản, sinh nở	12 tháng
Chi phí y tế do bệnh có sẵn, bệnh đặc biệt: 180 ngày	180 ngày

Thời gian chờ: là khoảng thời gian mà trong đó nếu phát sinh Quyền lợi được bảo hiểm thì người được bảo hiểm không được CTBH thanh toán cho chi phí đó. Thời gian chờ được tính từ ngày đầu tiên NDBH tham gia vào quyền lợi tương ứng của chương trình bảo hiểm này của chủ HĐ

(*) Ví dụ cách tính tỷ lệ: NDBH Nguyễn Thị B tham gia vào chương trình bảo hiểm VPBank từ ngày 1.4.2024. Ngày 1.10.2024, Nguyễn Thị B sinh thường tại PSTW (tham gia bảo hiểm được 180 ngày). Bác sĩ chỉ định nằm viện 2 ngày sau đó xuất viện.

Quyền lợi sinh thường chi trả 2 ngày là $3,150,000 \times 2 = 6,300,000$. Như vậy,
Số tiền bồi thường sau khi tính tỷ lệ = $6,300,000 \text{ VND} \times 180/270 = 4,200,000 \text{ VND}$

Insurance Benefits	Waiting period
Miscarriage, abortion, pregnancy treatment prescribed by the attending doctors	60 days, pro-rata settlement (*)
Childbirth	270 days, pro-rata settlement (*)
Death/ Total Permanent disablement due to special diseases, pre-existing conditions, maternity	12 months
Medical treatment for special diseases, pre-existing conditions	180 days

Waiting period: is the period in which if the Insured Benefit is incurred, the insured person is not paid by the insurer for that cost. Waiting period is calculated from the first day the insured person having such benefits in this insurance program and/or the first day the insured person enroll the program

(*) Example of pro-rata settlement: Ms. B joins VPBank Care from 1.4.2024. On 1.10.2024, Ms. B gives birth a baby in PSTW (normal delivery), the she has been covered for 180 days. She stays at the hospitals for 2 days.

Bao Viet will pay $3,150,000 \times 2 = 6,300,000$ for a normal delivery, then the pro-rata settlement will be: $6,300,000 \text{ VND} \times 180/270 = 4,200,000 \text{ VND}$

MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA/ DEFINITIONS

- **Bệnh đặc biệt:** là các bệnh ung thư, u bướu các loại, huyết áp, các bệnh về tim, loét dạ dày, viêm khớp mãn tính, viêm gan (A, B, C), sỏi các loại trong hệ thống tiết niệu và đường mật, viêm xoang mãn tính, đái tháo đường, hen phế quản, Parkinson, viêm thận, các bệnh liên quan đến hệ thống tạo máu (bao gồm bệnh suy tủy, bạch cầu cấp, bạch cầu mãn tính).
- **Bệnh có sẵn:** là bất kỳ một tình trạng sức khỏe nào của Người được bảo hiểm đã được chẩn đoán hoặc đã xuất hiện triệu chứng khiến cho một người bình thường phải đi khám, điều trị; hoặc do có tình trạng đó mà chuyên gia y tế đã khuyên người được bảo hiểm cần phải điều trị bất kể là Người được bảo hiểm đã thực sự được điều trị hay chưa.
- **Định nghĩa một lần khám/ điều trị:** Một lần khám bệnh là một lần được bác sĩ thăm khám lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng hay các thủ thuật thăm dò khác, thuốc điều trị nhằm mục đích chẩn đoán bệnh và điều trị bệnh. Trường hợp khám một chuyên khoa nhiều lần trong ngày thì chỉ tính là một lần khám bệnh. Trường hợp người bệnh khám nhiều chuyên khoa trong cùng một cơ sở y tế trong một ngày thì vẫn chỉ tính là một lần khám bệnh.

- **Special diseases:** Cancer and tumor of all types, hypertension, cardio-vascular diseases, stomach ulcers, chronic inflame of bone joints, hepatitis (A, B, C), different kinds of stone in the urinary system and the biliary tract, chronic sinusitis, diabetes, asthma, Parkinson's, kidney inflammation, diseases of the hematopoietic system (including marrow failure, acute leukemia and chronic leukemia).
- **Pre-existing medical conditions:** Any medical conditions of the Insured Person which have been diagnosed; or for which symptoms have existed and would cause an ordinary prudent person to seek diagnosis, care or treatment; or for which medical treatment was recommended by a medical practitioner, irrespective of whether such treatment was actually received or not.
- **A medical examination per visit:** A medical examination is when a patient receives physical examination, laboratory tests, diagnostic imaging, functional exploration or any other examinations and any prescribed drugs used for medical diagnosis and treatment. Where a patient receives a series of examinations at a specialized department during the day, such examinations will constitute a single examination. Where a patient is required to seek further examination at more than one specialized departments at a medical facility as prescribed a physician, he shall be considered to have received one medical examination only.

QUY TRÌNH BỒI THƯỜNG/ CLAIM PROCEDURES

Nộp hồ sơ bồi thường

1 2 3 4

1. Lựa chọn Cơ sở y tế hợp pháp để khám và điều trị bệnh
2. Thu thập chứng từ y tế, hóa đơn + điền đầy đủ Claimform (Giấy yêu cầu bồi thường)
3. Gửi hồ sơ cho Bảo Việt
4. Bảo Việt tiếp nhận và giải quyết hồ sơ YCBT trong vòng 10 -15 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ hồ sơ

Lưu ý trong trường hợp điều trị Nội trú: Khi thu thập hồ sơ, chứng từ để yêu cầu bồi thường, NĐBH lưu ý trên bảng kê chi tiết hoặc hóa đơn phải thể hiện nội dung phần chi phí được BHYT chi trả. Trường hợp không có nội dung này, Bảo Việt sẽ tự động áp dụng copay khi chi trả

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN RẠCH MAI
Khoa: Ngoại E

Số HSB: 190312408

BẢNG KÊ CHI PHÍ

I. Hành chính:
(1) Họ tên người bệnh: [redacted]
(2) Địa chỉ hiện tại: [redacted] Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
(4) Mã thẻ BHYT: HT2/01/01/284/54542 Ngày trị: 01/03/2018 đến 31/12/2020
(5) Nơi đăng ký BHYT ban đầu: Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn
(7) Đến khám: 9h 18, ngày 09/09/2019 (8) Điều trị nội trú từ: 9h 18, ngày 09/09/2019
(10) Tình trạng ra viện: 2 (11) Cấp cứu ☐ (12) Đứng tuyến ☐
Nơi chuyển đến từ: -
(15) Chẩn đoán xác định: **Tổn thương các cơ quan trong ổ bụng**
(17) Bệnh kèm theo:
(19) Thời điểm đủ 5 năm liên tục từ ngày: 01/01/2015

II. Chi phí khám, chữa bệnh:
Mã thẻ BHYT: HT2/01/01/284/54542 Giá trị từ: 01/03/2018 đến 31/12/2020
(Chi phí KBCB tính từ ngày: 09/09/2019 đến ngày 12/09/2019)

Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá BHYT	Đơn giá BHYT

Địa chỉ: Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
Ngày vào viện: 08/10/2018
Ngày ra viện: 10/10/2018
Chẩn đoán: R00.1 - Cơn AVRT đường phụ ản sau bên vách P đã điều trị RF thành công - Nhịp nhanh xoang

I. Tổng viện phí 39,362,612 đ

II. BHYT thanh toán theo quy định: 14,334,970 đ

III. Bệnh nhân đã thanh toán: 25,027,642 đ

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2018
NGƯỜI LẬP
TP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Lê Thị Hồng Tiên

Claim Submission

1 2 3 4

1. Select legal & appropriated medical provider and do treatment
2. Collect all related medical documents and legal invoices
3. Send Claim Document to Insurer
4. Claim is processed within 10-15 working days

Note in case of inpatient treatment: When submit claim document, the insured person has to submit the medical expense breakdown/invoice which reflect the information that insured person using State Health Insurance. Otherwise, Insurer will apply copay when processing the claim settlement

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN RẠCH MAI
Khoa: Ngoại E

Số HSB: 190312408

BẢNG KÊ CHI PHÍ

I. Hành chính:
(1) Họ tên người bệnh: [redacted]
(2) Địa chỉ hiện tại: [redacted] Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
(4) Mã thẻ BHYT: HT2/01/01/284/54542 Ngày trị: 01/03/2018 đến 31/12/2020
(5) Nơi đăng ký BHYT ban đầu: Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn
(7) Đến khám: 9h 18, ngày 09/09/2019 (8) Điều trị nội trú từ: 9h 18, ngày 09/09/2019
(10) Tình trạng ra viện: 2 (11) Cấp cứu ☐ (12) Đứng tuyến ☐
Nơi chuyển đến từ: -
(15) Chẩn đoán xác định: **Tổn thương các cơ quan trong ổ bụng**
(17) Bệnh kèm theo:
(19) Thời điểm đủ 5 năm liên tục từ ngày: 01/01/2015

II. Chi phí khám, chữa bệnh:
Mã thẻ BHYT: HT2/01/01/284/54542 Giá trị từ: 01/03/2018 đến 31/12/2020
(Chi phí KBCB tính từ ngày: 09/09/2019 đến ngày 12/09/2019)

Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá BHYT	Đơn giá BHYT

Địa chỉ: Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
Ngày vào viện: 08/10/2018
Ngày ra viện: 10/10/2018
Chẩn đoán: R00.1 - Cơn AVRT đường phụ ản sau bên vách P đã điều trị RF thành công - Nhịp nhanh xoang

I. Tổng viện phí 39,362,612 đ

II. BHYT thanh toán theo quy định: 14,334,970 đ

III. Bệnh nhân đã thanh toán: 25,027,642 đ

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2018
NGƯỜI LẬP
TP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Lê Thị Hồng Tiên

HỒ SƠ BỒI THƯỜNG/ CLAIM DOCUMENT

Nội trú

1

- Giấy YCBT
- Giấy ra viện/ Giấy chuyển viện (nếu chuyển viện)
- Chỉ định & Giấy chứng nhận phẫu thuật (nếu phẫu thuật)
- Các chứng từ khám trước & sau nhập viện
- Hóa đơn hợp lệ và Bảng kê chi tiết kèm theo (Bản gốc)

Ngoại trú

2

- Giấy YCBT
- Đơn thuốc/sổ khám bệnh (có triệu chứng, chẩn đoán bệnh cuối cùng)
- Chỉ định và kết quả xét nghiệm
- VLTL : Phiếu chỉ định và điều trị VLTL từng ngày (dịch vụ chi tiết) nếu có chỉ định
- Hóa đơn hợp lệ và Bảng kê chi tiết kèm theo (Bản gốc)

Tai nạn

3

- Giấy YCBT
- Bản tường trình tai nạn tự khai/ Biên bản công an (nghiêm trọng)
- Giấy phép lái xe (nếu điều khiển xe)
- Chứng từ y tế (tương tự Điều trị Nội trú/Ngoại trú)
- Hóa đơn tài chính hợp lệ và Bảng kê chi tiết kèm theo (Bản gốc)

Răng

4

- Giấy YCBT
- Phim chụp răng (nếu có chụp phim)
- Chẩn đoán bệnh (bệnh lý, số răng) & chi tiết quá trình điều trị răng
- Hóa đơn tài chính hợp lệ và Bảng kê chi tiết kèm theo (Bản gốc)

In-patient

1

- Claim form
- Hospital release / Hospital transfer paper (if transferring)
- Appointment & Certificate of surgery (if surgery)
- Documents before and after hospitalization
- Valid invoice and attached detailed list (Original)

Out-patient

2

- Claim form
- Prescriptions / medical examination books (with symptoms and the final diagnosis)
- Assignment and test results
- Physical therapy: Appointment card and physical therapy for daily therapy (detailed service) if indicated
- Valid invoice and attached detailed list (Original)

Accident

3

- Claim form
- Accident report / Police report (serious)
- Driver's license (if driving a car)
- Medical documents (similar to Inpatient / Outpatient Treatment)
- Valid financial invoice and attached detailed list (original)

Dental

4

- Claim form
- Movie shooting teeth (if shooting movies)
- Diagnosis of disease (pathology, number of teeth) and detailing the process of dental treatment
- Valid invoice and attached detailed list (Original)

Chú ý:

Đơn thuốc và sổ khám cần có dấu của Cơ sở y tế

Hóa đơn:

- Hóa đơn GTT hoặc *Hóa đơn chuyển đổi từ Hóa đơn điện tử* theo quy định của BTC
- Lấy hóa đơn khi khám chữa bệnh, tối đa **không quá 30 ngày** kể từ ngày khám/mua thuốc

Note:

Prescriptions and medical records need to have a stamp of the medical provider.

Invoice:

- VAT Invoice or Converted Invoice from Electronic Invoice in accordance with BTC regulations
- Get the bill when examining and treating, no more than 30 days from the date of examination / drugs purchasing

HỒ SƠ BỒI THƯỜNG/ CLAIM DOCUMENT

I. Giấy tờ chung

I.1. Giấy yêu cầu bồi thường

- Điền đầy đủ tên người được bảo hiểm, điện thoại liên hệ, địa chỉ email, thông tin tài khoản, mã nhân viên, ngày sinh, cấp cán bộ..vv
- Ký và ghi rõ họ tên
- Nộp hồ sơ trong vòng 180 ngày kể từ ngày khám/ điều trị.

I.2. Hóa đơn hợp lệ (Bản gốc)

- Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính
- Ghi tên người mua là tên Người được bảo hiểm (Tên Người bệnh), địa chỉ nhà riêng
- Có chữ ký của người mua và người bán
- Bảng kê viện phí kèm theo hóa đơn hoặc hóa đơn có liệt kê nội dung chi phí
- Trường hợp sử dụng Hóa đơn điện tử, cần cung cấp “Hóa đơn chuyển đổi từ Hóa đơn điện tử”
- Hóa đơn phải có dấu tròn (Trừ hóa đơn trực tiếp hoặc cơ sở y tế được miễn dấu)
- Hóa đơn cần được cấp trong tháng hoặc không quá 30 ngày kể từ ngày khám chữa bệnh.
- Mất/ thất lạc hóa đơn bản gốc không được chi trả bảo hiểm.
- Tách nhiều hóa đơn < 200,000đ không được chấp nhận

I. General documents

I.1. Claim form

- Fill in name of Insured person, phone number, email address and Bank account details
- The insured's signature must be provided
- Submit claim document no later than 180 days after visit/treatment.

I.2. Legal Invoice (Original copy)

- Invoices must comply the regulations of MOF.
- The name of buyer must be the name of insured person
- Provide signature of buyer and seller
- Breakdown of medical expenses is required
- Provider's legal stamp and signatures is required
- In case of electronic invoice, provide “Converted invoice from electronic invoice”
- Legal stamp of medical provider must be on the invoice
- Invoice must be issued on the day or no later than 30 days from date of service.
- Only original invoice is accepted
- Split invoice into under-200,000 VND invoices is NOT accepted.

HỒ SƠ BỒI THƯỜNG/ CLAIM DOCUMENT

II. Bảo hiểm sức khỏe – Ngoại trú & Răng

II.1. Phiếu khám/ Sổ khám/ Đơn thuốc (Toa thuốc)

- Ghi rõ triệu chứng bệnh (Lý do đi khám, kết quả khám lâm sàng nếu có), ngày khám, chẩn đoán bệnh (do bác sỹ điều trị chẩn đoán sau khi đọc xét nghiệm)
- Đơn thuốc: ghi rõ tên thuốc, số lượng, ngày kê, nội dung mỗi thang thuốc (Y học cổ truyền). Mua thuốc cho thời gian điều trị trong vòng 30 ngày và tái khám theo chỉ định
- Trường hợp có chỉ định điều trị khác như rửa xoang, tiêm truyền,...vv cần ghi rõ
- Điều trị răng: Ghi rõ 1) Chẩn đoán bệnh, 2) Chi tiết nội dung điều trị, 3) Số răng, 4) vật liệu hàn răng, 5) Chi tiết điều trị mỗi ngày), 6) Phim chụp răng nếu có
- Sửa chữa hoặc viết thêm thuốc, cần có bác sỹ điều trị ký tên và đóng dấu
- Mỹ phẩm, thực phẩm chức năng và thuốc bổ (Thuốc bổ không trực tiếp phục vụ việc điều trị bệnh) không được bảo hiểm. Các TH khác bảo hiểm ko quá giá trị thuốc điều trị trên hóa đơn.
- Không điều trị tại phòng khám tư không có GP ĐKKD

II. Bảo hiểm sức khỏe – Ngoại trú & Răng

II.2 Kết quả xét nghiệm & chẩn đoán bằng hình ảnh

- Chỉ định và kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, MRI, CT Scan... (Nếu có)
- Nếu thực hiện xét nghiệm ở cơ sở khác, cần có chỉ định của bác sỹ

II.3 Vật lý trị liệu (VLTL) theo chỉ định bác sỹ

- Cung cấp chẩn đoán & Chỉ định của bác sỹ (số lần tập VLTL)
- Lịch tập VLTL (Ngày bắt đầu , ngày kết thúc)
- Lưu ý không làm vật lý trị liệu tại các cơ sở không phải là cơ sở y tế.

II. Health insurance (Out-patient and dental treatment)

II.1. Medical report/ Drug prescription

- Provide symptoms (the reason visit doctor), doctor's diagnosis, date of treatment (Stamp of Medical provider)
- Prescription: provide name of drug, quantity, date. Buy medicines for period of treatment not more than 30 days
- In case other treatment is indicated, provide the indication of doctor
- For Dental: provide 1) Diagnosis, 2) Detail of treatment plan, 3) Number of teeth, 4) Material 5) Detail each date of visit, 6) X-ray (if any)
- Any adjustment in Prescription must be signed by the doctor and stamped by Hospital/Clinic
- Functional foods, Cosmetics or Tonics which do not support the treatment directly will not be covered.
- Do not visit private illegal clinics.

II. Health insurance (Out-patient and dental treatment)

II.2 Laboratory tests

- Doctor's indication and Result of X-ray, Radiographic, laboratory tests, MRI, CT Scan...
- In case the test is taken at a different medical provider, there must be an indication from doctor

II.3 Physiotherapy (indicated by Doctor)

- Provide Doctor's diagnosis and Indication
- Detail of daily treatment of physiotherapy, Physiotherapy records for each visits
- Only physiotherapy at medical providers is covered

III. Bảo hiểm sức khỏe – Nội trú & Thai sản

III.1 Giấy ra viện & Giấy chuyển viện

- Ghi ngày nhập viện, xuất viện (Đóng dấu)
- Chẩn đoán bệnh và phương pháp điều trị
- Chỉ định tái khám (Nếu có)
- Cung cấp bảng kê viện phí có chi phí tiền giường, chứng minh việc nằm viện
- Ghi đúng họ và tên, tuổi của người được bảo hiểm
- Biến chứng thai sản không nằm viện chỉ được chi trả theo quyền lợi ngoại trú
- Chỉ nằm viện tại bệnh viện. Phòng khám không có chức năng lưu viện.

III.2 Giấy chứng nhận phẫu thuật

- Ghi rõ phương pháp phẫu thuật, phẫu thuật viên
- Không sử dụng phòng khám không có giấy phép thực hiện phẫu thuật (Kỹ thuật được phép thực hiện)

III. Health insurance (In-Patient treatment)

III.1 Discharge Certificate

- Admission & discharge date (Hospital's Stamp)
- With diagnosis and Provided treatment
- Indication of follow-up examination (if any)
- Medical expenses breakdown (including room/bed)
- Provide full name, age of the insured person
- Out-patient complications of pregnancy is only covered under Out-patient benefit
- In-patient is allowed at Hospital only. Do not hospitalize at Clinic where functioned for Outpatient only.

III.2 Surgical Certificate

- Provide diagnosis, Method of surgery & treatment is noted
- Do not take surgery at illegal clinics

IV. Bảo hiểm tai nạn

IV.1 Chứng từ y tế

Tham khảo hướng dẫn mục I-III ở trên

VI.2 Bản tường trình tai nạn

- Người yêu cầu bồi thường tự viết (Thời gian, địa điểm, hoàn cảnh tai nạn, ký ghi rõ họ tên). Cung cấp xác nhận của Ngân hàng trong trường hợp Tai nạn lao động.
- Hoặc Bản sao “Biên bản giải quyết tai nạn giao thông” nếu TNGT do công an thụ lý
- Bản sao (2 mặt) giấy phép lái xe, đăng ký xe (đối với xe từ 50cc trở lên) nếu là TNGT
- Vi phạm luật giao thông không được bảo hiểm
- Lưu ý: bệnh sử cung cấp cho bệnh viện và bản tường trình tai nạn cần khớp nhau

IV. Personal accident

IV.1 Medical report

Refer item I-III above

IV.2 Accident report

- Accident report provided by Insured/ Claimant (Time, location, situation). Provide policyholder's stamp in case of Labor Accident.
- Accident report from Police in serious cases if Police involved
- Copy of Valid Driving License and Registration certificate ((in case of Traffic Accident)
- Traffic violation is not covered under the policy
- Note: the information provided to doctor and accident report must be the same

ĐỊA CHỈ NỘP HỒ SƠ BỒI THƯỜNG/ CLAIM SUBMISSION

NGDBH cần gửi hồ sơ yêu cầu bảo hiểm càng sớm càng tốt, không quá 180 ngày kể từ ngày khám chữa bệnh. Hồ sơ yêu cầu bồi thường được giải quyết trong vòng 10-15 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ,

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ yêu cầu bồi thường

1. Tại VPBank

Hà Nội: 9-11h sáng thứ 6 hàng tuần, tầng 26- Khối quản trị Nguồn Nhân lực, VPBank 89 Láng Hạ

2. Nộp hồ sơ trực tiếp về Bảo Việt

Hà Nội: Ban Bảo lãnh & Chi trả viện phí - Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
7 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Hotline: 1900 558899 (Ext.3)

Hồ Chí Minh: Ban Bảo lãnh & Chi trả viện phí - Tòa nhà Bảo Việt Sài Gòn
Lầu 5, Toà nhà EVNNPT, 610 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, HCMC
Hotline: 1900 558899 (Ext.3)

Đà Nẵng: Ban Bảo lãnh & chi trả viện phí
Tầng 4, số 97 Trần Phú, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
Hotline: 1900 558899 (Ext.3)

3. Nộp hồ sơ qua ứng dụng App BaoViet Direct

Áp dụng đối với hồ sơ có số tiền yêu cầu bồi thường từ 10 triệu đồng trở xuống và có hoá đơn điện tử

The insured should submit the claim form as soon as possible, not to exceed 180 days from the date of medical examination. The claim will be settled within 10 – 15 working days as from the date of full claim document submission.

Claim submission

1. On-site claim service

Hà Nội: 9- 11 am, Friday morning, 26F- Human Resources Department, VPBank 89 Lang Ha

2. Submit directly to Bao Viet

Ha Noi: Direct Billing & Claim Department- Bao Viet Insurance Corporation
7 Ly Thuong Kiet, Hoan Kiem, Ha Noi
Hotline: 1900 558899 (Ext.3)

HCM: Direct Billing & Claim Department- Bao Viet sai Gon Insurance
5 Floor, EVNNPT Building, 610 Vo Van Kiet, District 1, Ho Chi Minh
Hotline: 1900 558899 (Ext.3)

Da Nang: Direct Billing & Claim Department - Bao Viet Insurance
4th Floor, No 97 Tran Phu, Hai Chau, Da Nang
Hotline: 1900 558899 (Ext.3)

3. Online claim submission via App BaoViet Direct

Applicable for any claim documents with the claim amount under 10 millions dong with electronic invoice

ĐẦU MỐI LIÊN HỆ HỖ TRỢ/ CONTACT FOR COUNSULTATION

Bảo Việt - Giải đáp tình trạng hồ sơ bồi thường, giải đáp về Mobile apps

Trung tâm dịch vụ khách hàng 24/07: **1900 55 88 99 – ext 3**

Email: tuvanBH3.TTDVKH@baoviet.com.vn

Bảo Việt - Hotline 24/24 dịch vụ riêng cho VPBank: 033.529.3384

Aon – Tư vấn quyền lợi, thủ tục yêu cầu bảo hiểm & hỗ trợ khiếu nại

Helpdesk: 1900 232 472 (trong giờ làm việc, từ thứ Hai đến thứ Sáu)

Email: tuvanboithuong@aon.com

Bao Viet – Inquiries on claim status, Mobile apps

Customer service 24/7: **1900 55 88 99 – ext 3**

Email: tuvanBH3.TTDVKH@baoviet.com.vn

Bao Viet – Hotline 24/24 dedicated service for VPBank only: 033.529.3384

Aon – Inquires on general benefits, oclaim procedure or escalation, please contact:

Helpdesk: 1900 232 472 (within working hours, from Monday to Friday)

Email: tuvanboithuong@aon.com

Miễn trừ

- Tài liệu này, và cả các thông tin bao gồm trong tài liệu này (sau đây gọi là “Tài liệu”) đều được bảo mật theo quyền của Công Ty TNHH Aon Việt Nam (“Aon”). Tài liệu này được soạn thảo với mục đích duy nhất để Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và/hoặc công ty mẹ và hoặc công ty con, công ty liên kết, công ty sở hữu, hoặc chủ thể khác mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng có quyền kiểm soát quản lý, liên doanh hoặc cấp vốn chủ sở hữu và/hoặc các bên thứ ba có liên quan khác; thuận tiện tham khảo trong các hướng dẫn, dịch vụ môi giới bảo hiểm, và quản lý rủi ro.
- Các tóm tắt, rút gọn về bảo hiểm theo Tài liệu này cũng tương tự được soạn thảo với mục đích tham khảo ngắn gọn. Trong mọi trường hợp, dù có các khiếu nại, tranh cãi hoặc bất cứ cách hiểu nào, Hợp đồng bảo hiểm gốc được cấp bởi Công Ty Bảo Hiểm sẽ là bản chính thức. Trong mỗi trường hợp cụ thể, vui lòng tham khảo Hợp đồng bảo hiểm gốc có liên quan. Các thông tin thể hiện trong tài liệu này là các tóm tắt chung cho mục đích tham khảo và hoàn toàn không có tính tư vấn.
- Việc soạn thảo tài liệu này dù đã thực hiện với mẫn cán hợp lý để cố gắng thể hiện chính xác các thông tin, sẽ không có cam kết nào, hoặc một dạng đảm bảo nào, dù là trực tiếp hoặc ẩn ý, và theo quy định của Luật pháp hiện hành Aon và bất cứ cán bộ, nhân viên, hoặc đại lý của Aon sẽ có nghĩa vụ hoặc trách nhiệm đối với Tính chính xác tuyệt đối của các thông tin này. Tại thời điểm các tài liệu này, kể cả bản in hoặc bằng lời nói, dù là lần đầu tiên hoặc các lần sau đó được cung cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng hoặc bên tư vấn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng hoặc một bên thứ ba nào khác, các trách nhiệm hoặc nghĩa vụ kể trên đây đều được miễn trừ.

Disclaimer

- This document and the information contained in it (the “Materials”) are confidential to Aon Vietnam Limited (“Aon”) and have been produced solely for the convenience of Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank for the purpose of training , insurance broking and risk management.
- Outlines or summaries of insurance contained herein are also produced solely for brevity and convenience only. In all cases whatsoever of claims, disputes or policy interpretations, the original policy document(s) as issued by the Insurer(s) will prevail - please ensure the relevant policy documents are referred to directly in each such instance. The information contained herein is a general summary provided for information only and is not intended to constitute advice.
- While these Materials have been prepared in good faith and every effort has been taken to ensure their accuracy, no representation or warranty, express or implied, is or will be made and, to the extent permitted by law, no responsibility or liability is or will be accepted by Aon or by any of its officers, employees or agents in relation to the accuracy or completeness of this information, at the time of initial publication or thereafter, or any other written or oral information made available to Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank or their advisors or any third party to whom the Materials may become available and any such liability is expressly disclaimed.